

Bản án số: 29/2025/HNGĐ-ST
Ngày 22 tháng 4 năm 2025
V/v tranh chấp ly hôn

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN TRI TÔN

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Trịnh Thị Ngọc Hà.

Các Hội thẩm nhân dân: Bà Trần Thị Ngọc Phượng;

Ông Huỳnh Văn Minh.

- Thư ký phiên tòa: Ông Bùi Văn Trường, thư ký Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn tham gia phiên tòa:
Trần Ngọc Minh Thư – Kiểm sát viên.

Ngày 22 tháng 4 năm 2025, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn xét xử sơ thẩm công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 31/2025/TLST-HNGĐ, ngày 12 tháng 02 năm 2025 về việc “*Tranh chấp về hôn nhân và gia đình, ly hôn*” theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 63/2025/QĐXXST-HNGĐ ngày 04 tháng 4 năm 2025 của Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn, giữa các đương sự:

- Nguyên đơn: Bà Neáng D năm 1970; Địa chỉ: Chùa M, khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (có mặt).

- Bị đơn: Ông Chau C năm 1977; Địa chỉ: Chùa M, khóm T, thị trấn C, huyện T, tỉnh An Giang (có đơn xin vắng mặt).

Người phiên dịch: Ông Kim S năm 1964; nguyên cán bộ Hội Cựu chiến binh xã C, huyện T, tỉnh An Giang

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo đơn khởi kiện ly hôn ngày 03 tháng 02 năm 2025 và bản tự khai, bà Neáng D1 bày:

Qua thời gian tìm hiểu, Bà Neáng D2 Chau C1 tự tìm hiểu chung sống với nhau vào năm 2008, sau đó tiến tới hôn nhân nhưng không đăng ký kết hôn. Trong quá trình chung sống vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, ông C1 làm ăn, ham mê cờ bạc còn có hành vi bạo hành bà. Nhận thấy mâu thuẫn của vợ chồng đã quá trầm trọng, cả hai không còn chung sống cho đến nay nên bà D3 cầu được ly hôn với ông C

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Chau Phol Lsinh ngày 17/2/2009 và Chau Pho Lsinh ngày 01/04/2010. Bà N D1 tiếp tục nuôi 02

(hai) con chung tên Chau Phol Lsinh ngày 17/2/2009 và Chau Pho L1sinh ngày 01/04/2010; không yêu cầu ông C3 C2nuôi con chung.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Theo bản tự khai, bị đơn Chau C4: Thống nhất theo ý kiến của bà N D2gian và điều kiện đi đến hôn nhân, nhưng không đăng ký kết hôn, vợ chồng phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm, tính tình không hợp nhau, vợ chồng không còn chung sống cho đến nay. Nay, bà D3 cầu ly hôn thì ông C12 đồng ý ly hôn.

Về con chung: Có 02 (hai) con chung tên Chau Phol Lsinh ngày 17/2/2009 và Chau Pho L1sinh ngày 01/04/2010.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Kiểm sát viên Viện kiểm sát nhân dân huyện Tri Tôn phát biểu ý kiến:

Về việc tuân theo pháp luật tố tụng, Thẩm phán, Hội đồng xét xử, thư ký phiên tòa trong quá trình giải quyết vụ án đã thực hiện đúng trình tự, thủ tục xét xử sơ thẩm vụ án theo quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự. Đối với nguyên đơn, bị đơn đã thực hiện quyền và nghĩa vụ đúng theo quy định tại Điều 70, 71, 72 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Về quan điểm giải quyết vụ án:

Bà D2 Csống nhau vào năm 2008, nhưng không đăng ký kết hôn theo quy định của Luật hôn nhân và gia đình nên không làm phát sinh quyền và nghĩa vụ vợ chồng, đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào khoản 1 Điều 14; khoản 2 Điều 53 Luật hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận bà Đông C5 vợ chồng.

Quá trình chung sống, cả hai có hai con chung tên Chau Phol Lsinh ngày 17/2/2009 và Chau Pho L1sinh ngày 01/04/2010 đang chung sống với bà D4 đang đi tu ở Chùa M1 được tiếp tục nuôi 02 cháu và không yêu cầu ông C6 nuôi con chung. Nhận thấy, từ khi không còn sống chung đến nay, bà D5 bảo việc nuôi con, nên yêu cầu được tiếp tục nuôi con của bà D6 lý, đề nghị chấp nhận. Bà D3 cầu ông Ccấp D7 nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Không yêu cầu Toà án giải quyết nên không đề cập xem xét.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Căn cứ vào các tài liệu, chứng cứ đã được xem xét tại phiên tòa, kết quả tranh luận tại phiên tòa, quy định của pháp luật, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Về thủ tục tố tụng

Bị đơn ông Chau C7 ký thường trú tại huyện T, tỉnh An Giang nên Tòa án nhân dân huyện Tri Tôn thụ lý, giải quyết là đúng thẩm quyền theo quy định tại khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; điểm a khoản 1 Điều 39 của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Bị đơn ông Chau C8 đơn xin xét xử vắng mặt. căn cứ điểm b khoản 1 Điều 227; khoản 1 Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt bị đơn.

[2] Về nội dung vụ án

Xét, tại các bản tự khai, bà Đông C9 nhận tự nguyện chung sống với nhau vào năm 2008. Qua làm việc. mặc dù ông Chau C10 ý kiến không đồng ý ly hôn, tuy nhiên do cả hai sống chung không đăng ký kết hôn theo quy định của pháp luật, nên căn cứ theo Điều 14, Điều 53 Luật Hôn nhân và gia đình, tuyên bố không công nhận bà Đông C5 vợ chồng.

Về con chung: Quá trình chung sống, cả hai có hai con chung Chau Phol Lsinh ngày 17/2/2009 và Chau Pho Lsinh ngày 01/04/2010, hiện đang chung sống với bà D8 đi tu ở Chùa Mới theo phong tục của đồng bào dân tộc Khmer, bà D9 được tiếp tục nuôi 02 con, không yêu cầu ông C6 nuôi con chung. Nhận thấy, từ khi không chung sống cùng ông C11, bà D5 bảo việc chăm sóc, nuôi dưỡng các con, nên xét yêu cầu được tiếp tục nuôi con của bà D10 căn cứ. Bà D3 cầu ông Ccấp D7 nuôi con nên không đặt ra xem xét.

Về tài sản chung: Các đương sự không yêu cầu nên không giải quyết.

Về nợ chung: Không có nên không xem xét.

[3] Về án phí: Bà Neáng D11 xin ly hôn nên phải chịu án phí hôn nhân sơ thẩm theo quy định. Ông Chau C12 phải chịu án phí.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ khoản 1 Điều 14, khoản 2 Điều 53 của Luật Hôn nhân và gia đình; Điều 227, 228, 271, Điều 273 Bộ luật Tố tụng Dân sự, tuyên bố không công nhận bà Neáng D2 Chau Clà vợ chồng.

Về con chung: Bà Neáng Dtiếp T nuôi dưỡng hai con là Chau Phol Lsinh ngày 17/2/2009 và Chau Pho Lsinh ngày 01/04/2010; ông Chau C12 phải cấp dưỡng nuôi con.

Trong thời gian nuôi con, người trực tiếp nuôi con cùng các thành viên trong gia đình không được cản trở người không trực tiếp nuôi con trong việc thăm nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con. Trên cơ sở lợi ích của con, theo yêu cầu của cha, mẹ hoặc cá nhân, tổ chức quy định tại khoản 5 Điều 84 Luật Hôn nhân và gia đình, Tòa án có thể quyết định việc thay đổi người trực tiếp nuôi con.

Căn cứ điểm a khoản 5 Điều 27 của Nghị quyết 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội

quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án;

Bà Neáng D12 300.000 đồng (ba trăm nghìn đồng) tiền án phí hôn nhân và gia đình sơ thẩm, được trừ vào số tiền 300.000 đồng (Ba trăm nghìn đồng) tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu số 0013005 ngày 07 tháng 02 năm 2025 của Chi cục Thi hành án dân sự huyện Tri Tôn, bà D13 nộp đủ án phí.

Trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án các đương sự có quyền kháng cáo, đương sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày, kể từ ngày nhận được bản án hoặc được tổng đạt hợp lệ.

*** Nơi nhận:**

- Các đương sự;
- VKSND huyện Tri Tôn;
- Chi cục THADS huyện Tri Tôn;
- Tòa án nhân dân tỉnh An Giang;
- Lưu HS & VP.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa

Trịnh Thị Ngọc Hà